TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 452/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30/12/2024
"v/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chất

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thà và bà Ngô Thị Thơm

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương***: Bà Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 479/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2024 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 540/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 363/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lý Thị M, sinh năm 1990; HKTT: Đội 1, thôn C, xã L, B, Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Đài Loan. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người được nguyên đơn ủy quyền về việc giao, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Chị Đặng Thị Ngọc T, sinh năm 1982; địa chỉ: Số nhà A, khu dân cư T, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Tám T1, sinh năm 1988; HKTT: Đội 1, thôn C, L, B, Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Đài Loan. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1968; địa chỉ: Số nhà B, khu A, thị trấn L, huyện C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Lý Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Tám T1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Hải Dương vào ngày 14/02/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống cùng nhau tại nhà bố mẹ anh T1 ở thôn C, xã L, huyện B. Quá trình chung sống, chị và anh T1 đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau và do anh T1 không chịu khó làm ăn, thường xuyên chơi bời, nợ nần. Đầu năm 2017, chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan để phát triển kinh tế gia đình. Năm 2018, anh T1 cũng sang Đài Loan làm việc. Do mỗi người làm một công ty khác nhau nên anh chị không chung sống cùng nhau mà chỉ gặp nhau vào cuối tuần. Năm 2021, chị về Việt Nam còn anh T1 vẫn ở lại Đài Loan. Sau khi về nước, chị đã đưa con gái về nhà bố mẹ đẻ tại thị trấn L, huyện C, tỉnh Hải Dương sinh sống. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Tháng 10/2023, chị quay lại Đài Loan làm việc nhưng chị và anh T1 không gặp gỡ, không liên lạc với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T1.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Phạm Bảo H, sinh ngày 24/5/2014. Hiện nay cháu H đang ở cùng bà ngoại là Nguyễn Thị N. Khi ly hôn, chị đề nghị được nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị. Trong thời gian ở nước ngoài, chị đề nghị Tòa án tạm giao cháu H cho bà N nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi chị về Việt Nam.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung, nợ chung nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị Lý Thị M. Bà đồng ý nhận ủy quyền của chị M về việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Bảo H và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bà.

Do chị M không cung cấp được địa chỉ của anh Phạm Tám T1 ở Đài Loan nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh T1. Ông Phạm Ngọc S và bà Nguyễn Thị S1 (là bố mẹ đẻ của anh T1) trình bày: Ông bà không biết địa chỉ cụ thể của anh T1 ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh T1 vẫn thường xuyên liên lạc cho ông bà qua điện thoại. Ông bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh T1 biết. Quan

điểm của anh T1 là chị M xin ly hôn thì chị M tự giải quyết, anh T1 không có quan điểm gì.

Tại phiên tòa, chị M, bà N vắng mặt, có đơn và quan điểm xin vắng mặt. Anh T1 vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lý Thị M ly hôn anh Phạm Tám T1. Về con chung: Giao cho chị Lý Thị M được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phạm Bảo H, sinh ngày 24/5/2014 kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Tạm giao cháu H cho bà Nguyễn Thị N (là bà ngoại) chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị M không có mặt tại Việt Nam. Chấp nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Về án phí: Chị M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn chị Lý Thị M và bị đơn anh Phạm Tám T1 hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại xã L, huyện B, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, chị M không cung cấp được địa chỉ của anh T1 tại Đài Loan. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu chị M và gia đình anh T1 cung cấp địa chỉ, nhưng chị M và gia đình anh T1 không cung cấp được. Ông Phạm Ngọc S và bà Nguyễn Thị S1 là bố mẹ đẻ anh T1 xác định anh T1 vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình, chị M có đơn xin ly hôn, anh T1 đã biết nhưng không cung cấp địa chỉ và không gửi ý kiến trình bày bằng văn bản cho Tòa án. Do vậy, căn cứ Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng

một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo quy định.

[1.3] Tại phiên tòa, chị M, bà N vắng mặt, có đơn và quan điểm xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh T1 đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng qua gia đình và niêm yết các văn bản tố tụng đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do vậy căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị M và anh Phạm Tám T1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Hải Dương vào ngày 14/02/2014 nên là hôn nhân hợp pháp. Theo chị M trình bày, quá trình chung sống chị và anh T1 đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống; anh T1 không tu chí làm ăn, chơi bời nợ nần. Chị và anh T1 hiện đều đang ở Đài Loan nhưng vợ chồng không sống cùng nhau, không liên lạc, không ai quan tâm đến ai. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn nên có đơn xin ly hôn, quan điểm của anh T1 là để tự chị M giải quyết. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị M và anh T1 đã trầm trọng, anh chị không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị M được ly hôn anh T1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Lý Thị M và anh Phạm Tám T1 có 01 con chung là Phạm Bảo H, sinh ngày 24/5/2014. Hiện nay cháu H đang ở cùng bà ngoại là Nguyễn Thị N. Sau khi ly hôn, chị M có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Trong thời gian ở nước ngoài, chị M ủy quyền cho bà Nguyễn Thị N (là mẹ đẻ) nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H cho đến khi chị M về Việt Nam, bà N đồng ý. Xét thấy, cháu H đang sinh sống ổn định cùng chị M và bà N, quan điểm của cháu H là muốn được ở cùng mẹ. Anh T1 không có quan điểm gì về việc nuôi con. Do vậy, cần tiếp tục giao cháu Phạm Bảo H cho chị M nuôi dưỡng là phù hợp. Trong thời gian chị M ở nước ngoài, tạm giao cháu H cho bà Nguyễn Thị N chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị M về Việt Nam. Chấp nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Lý Thị M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị M về các vấn đề sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lý Thị M ly hôn anh Phạm Tám T1

1.2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Lý Thị M được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phạm Bảo H, sinh ngày 24/5/2014 kể từ tháng 01/2024 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Tạm giao cháu H cho bà Nguyễn Thị N (là bà ngoại) chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị M không có mặt tại Việt Nam. Chấp nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng tiền nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Lý Thị M phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng*) do chị Đặng Thị Ngọc T nộp thay, theo biên lai thu tiền số 0005159 ngày 02 tháng 10 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị M đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Lý Thị M, anh Phạm Tám T1 vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Long Xuyên, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chất